

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ QUÁ TRÌNH XÁC LẬP CHỦ QUYỀN VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM BỘ CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN TRONG THẾ KỶ XVIII

HOÀNG VĂN TUẤN*

1. Dẫn nhập

Trong quá trình khai phá vùng đất phương Nam, chúa Nguyễn đã sớm nhận thức về vị trí chiến lược của vùng biển đảo Tây Nam Bộ, nhất là trên phương diện kinh tế và an ninh. Tuy nhiên, phải đến đầu thế kỷ XVIII, chính quyền Đàng Trong mới chính thức tiến hành xác lập chủ quyền đối với vùng biển đảo này. Sự kiện mang tính bước ngoặt là Mạc Cửu (1655-1735) đem dâng toàn bộ vùng Hà Tiên cho chính quyền Đàng Trong vào năm 1708. Từ thời điểm này, chúa Nguyễn, Mạc Cửu và mối quan hệ này có tác động rõ rệt đến cục diện lịch sử thế kỷ XVIII. Riêng đối với chúa Nguyễn thì đây là bàn đạp để mở mang bờ cõi về phương Nam (1) và trên cơ sở đó giành quyền làm chủ toàn bộ vùng đất lẫn vùng biển và các hải đảo Tây Nam Bộ.

Sau khi tiếp nhận vùng Hà Tiên, từ đầu đến cuối thế kỷ XVIII, với những chính sách nhất quán về mục đích và mềm dẻo trong thực thi, chính quyền Đàng Trong đã cùng họ Mạc đẩy nhanh hoạt động xác lập chủ quyền đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Thông qua con đường ngoại giao và chuyển nhượng, chúa Nguyễn không những làm chủ được hầu hết vùng đất Tây Nam Bộ mà còn kiểm soát được gần như toàn bộ

vùng biển đảo Tây Nam Bộ trong vịnh Thái Lan. Sự kiện chúa Nguyễn tiếp nhận vùng đất Trà Vang (nay là Trà Vinh và Bến Tre) và Ba Thắc (nay là Sóc Trăng và Bạc Liêu) từ vua Chân Lạp là Nặc Nhuận và sau đó là vùng đất Tầm Phong Long (tương đương với vùng tứ giác Long Xuyên ngày nay) từ Nặc Tôn (năm 1757) (2) là cột mốc lịch sử đánh dấu việc hoàn thành về cơ bản công cuộc xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ, sau gần một phần hai thế kỷ tiến hành, với những đặc điểm được quy định bởi cả yếu tố nội sinh và ngoại sinh.

2. Quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ trải qua nhiều khó khăn, thử thách

Trở lực lớn nhất đối với chúa Nguyễn và dòng họ Mạc là âm mưu xâm lược của Xiêm La. Trong hai thế kỷ XVII và XVIII, Xiêm La đã thực hiện một chính sách bành trướng mạnh mẽ về phía Đông; tiến ra biển, tương tác biển, kiểm soát biển và xác lập lãnh thổ biển là xu hướng chủ đạo của người Thái, bởi biển “cung cấp môi trường mà ở đó người Thái có thể tương tác với thế giới thông qua trao đổi thương mại, giao lưu chính trị, chiến tranh, xung đột, phát triển hải quân, và đón nhận các

*ThS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Bộ, Trường Đại học Thủ Dầu Một

nhân tố bên ngoài thông qua con đường giao tiếp hàng hải” (3). Hiện tượng này rất đáng chú ý và có tác động mạnh mẽ đến các mối quan hệ bang giao khu vực. Vùng vịnh Thái Lan trở thành môi trường năng động cho các chuyển biến về chính trị (chủ yếu xoay quanh mối tương quan giữa Đàng Trong - họ Mạc với Chân Lạp và Xiêm La). Theo đó, chính quyền Xiêm La đã toan tính giành quyền kiểm soát vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Thực tế này khiến quan hệ giữa chính quyền Đàng Trong với Xiêm La về cơ bản là trong tình trạng căng thẳng. Trước thách thức đó, chúa Nguyễn đã rất khéo léo trong hoạt động đối ngoại. Văn thư mà chúa Nguyễn hồi đáp vua Xiêm La vào năm Cảnh Hưng thứ 15 (1756) đã thể hiện rõ nội dung này. Chúa Nguyễn vừa tỏ ra mềm dẻo trong việc gọi lại mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa hai vương quốc, vừa thể hiện thái độ kiên quyết chống lại những hành vi xâm phạm chủ quyền và sự ngạo mạn của Xiêm La (4). Với chính sách ngoại giao linh hoạt, chúa Nguyễn đã ngăn chặn được một số toan tính chính trị của Xiêm La và khiến Xiêm La phải nhân nhượng trong nhiều trường hợp. Tuy vậy, về cơ bản, chính sách của chúa Nguyễn vẫn không thể ngăn chặn được tham vọng thôn tính Hà Tiên của chính quyền Xiêm La (5).

Đáng chú ý là, càng về cuối thế kỷ XVIII, Xiêm La càng gây áp lực mạnh mẽ hơn với chúa Nguyễn và dòng họ Mạc. Bằng chứng là mặc dù đã có tham vọng xâm chiếm Hà Tiên từ đầu thế kỷ XVIII nhưng phải đến những năm cuối thế kỷ XVIII, Xiêm La mới trực tiếp phát binh tấn công Hà Tiên. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Xiêm La ngày càng gây áp lực mạnh mẽ là bởi hoạt động thương mại sôi nổi và vị thế gia tăng về kinh tế của Hà Tiên trong khu vực. Sự cởi mở và sáng

tạo trong các phương cách quản lý kinh tế của Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đã thúc đẩy Hà Tiên sớm trở thành vùng đất giàu có và là nơi hội tụ của nhiều dòng thương mại, ở đây [thương cảng Hà Tiên] “thuyền bè tứ phương từ Trung Quốc, Đàng Ngoài, Palembang, Siam đổ về nhiều đến nỗi không sao đếm xiết các cột buồm... và khiến người ta phải mệnh danh là Quảng Đông thu nhỏ (*petit Canton*)” (6). Tuy nhiên, dường như sự phồn thịnh của Hà Tiên lại kích thích tham vọng của Xiêm La và khiến Xiêm La quyết tâm giành đoạt vùng đất này (7). Thật vậy, “vị thế kinh tế nổi bật đã khiến Hà Tiên sớm “bị quy hoạch” trong chiến lược bành trướng của các quốc gia láng giềng, nhất là Ayutthaya. Nói khác đi, Hà Tiên hưng khởi đúng vào giai đoạn nhạy cảm của các nước Đông Nam Á lục địa: họ đang hồi hải tiến về biển, về các đồng bằng phương Nam mới mẻ, màu mỡ và khai phóng...” (8).

Không chỉ trực tiếp tấn công Hà Tiên mà trong khoảng thời gian nửa đầu thế kỷ XVIII, chính quyền Xiêm La còn nhiều lần hậu thuẫn và kích động một số thế lực trong triều đình Chân Lạp xâm phạm Hà Tiên. Trong chính sách “*Đông tiến*” của Xiêm La thì Chân Lạp là đối tượng sớm được “trù tính” trong chiến lược bành trướng về phía Đông của vương quốc này. Đối với Xiêm La, Chân Lạp vừa là mục tiêu xâm chiếm, vừa là bàn đạp để xâm lấn Đàng Trong. Trên cơ sở nhận thức đó, Xiêm La đã tích cực thao túng các thế lực thuộc chính quyền Chân Lạp, nhất là những khi nội bộ Chân Lạp xảy ra mâu thuẫn để “trục lợi và giành nhau với người Việt”, đặc biệt là để thông qua các thế lực đó tìm kiếm cơ hội xâm chiếm Hà Tiên. Thế nhưng, Xiêm La đã không thành công vì không đủ thế và lực để cản trở bước tiến của chính quyền Đàng Trong (9).

Trong bối cảnh Xiêm La không ngừng can dự vào nội bộ Chân Lạp nhằm chiếm Hà Tiên thì để bảo vệ chủ quyền cũng như duy trì sự ổn định đời sống chính trị, chúa Nguyễn cùng dòng họ Mạc đã ủng hộ một số tôn thất trong triều đình Chân Lạp. Tiêu biểu là việc hỗ trợ Nặc Nhuận và Nặc Tôn lên ngôi vào năm Đinh Sửu (1757). Nỗ lực của chúa Nguyễn nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Xiêm La vào triều đình Chân Lạp và đã mang về cho chúa Nguyễn thêm nhiều vùng lãnh thổ mới (bao gồm cả vùng đất và biển đảo Tây Nam Bộ). Thành tựu này là nhờ vào sự chuyển giao tự nguyện của các vua Chân Lạp và “tạo điều kiện cho dòng họ Mạc mở rộng thế lực ra một vùng đất rộng lớn mà qua đó còn góp phần củng cố mối quan hệ tin cậy với chính quyền chúa Nguyễn” (10).

Bên cạnh âm mưu xâm lược của Xiêm La, chúa Nguyễn còn phải đương đầu với nạn cướp biển hoành hành trên vùng biển và các hải đảo Tây Nam Bộ. Trong thế kỷ XVIII, cướp biển có nguồn gốc từ Trung Hoa và từ các đảo, quần đảo ngoài khơi Đông Nam Á (gọi chung là cướp biển Chà Và) đã hoạt động ở vùng biển đảo Hà Tiên với tần suất rất cao và tính chất rất nguy hiểm. Chúng ngang nhiên cướp bóc tài sản của người dân sinh sống trên các đảo, công khai chặn cướp các tàu vận tải hay tàu buôn qua lại vùng biển Hà Tiên. Thậm chí, ngay cả tàu thuyền của họ Mạc khi đi công cán cũng đã bị cướp biển chặn cướp. Nạn cướp biển đã ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến đời sống của dân cư sinh sống trên các đảo, sự phát triển của kinh tế thương nghiệp và an ninh vùng biển Hà Tiên. Càng nghiêm trọng hơn khi một số thế lực từ Trung Quốc đã nấp dưới vỏ bọc của cướp biển để thực hiện các âm mưu đánh cướp Hà Tiên. Hà Tiên giàu

nhờ biển nhưng cũng khó vì biển do có quá nhiều cướp biển hoành hành (11).

Nguyên nhân chủ yếu khiến Hà Tiên trở thành trọng điểm cướp phá của các băng nhóm cướp biển trong thế kỷ XVIII là do vùng biển này có nhiều đảo chắn ngoài khơi và tiếp giáp với vịnh Thái Lan - một trong những địa bàn chiến lược trên con đường mậu dịch biển Đông Nam Á nói riêng và châu Á nói chung. Các băng nhóm cướp biển đã lợi dụng địa thế hiểm trở của các đảo hoang ở ngoài khơi vùng biển Hà Tiên để tụ họp đồng đảng và xây dựng “căn cứ” với hai chức năng: để phòng bị (bao gồm cả những toan tính trong việc rút chạy) các cuộc tấn công của quân đội chúa Nguyễn và quân đội của họ Mạc; và để làm nơi trú ngụ nhằm chờ cơ hội thuận lợi đánh cướp các tàu thuyền qua lại. Kể từ khi họ Mạc đến khai phá và xây dựng Hà Tiên trở thành một thương cảng lớn ở Đàng Trong - nơi cập bến của những đội thương thuyền Đông - Tây thì các nhóm cướp biển càng chú ý và tăng cường cướp bóc. Nhiều khả năng trong khi tham gia các cuộc chiến, quân đội Xiêm La và các thế lực thân Xiêm La tại Chân Lạp cũng gián tiếp tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm cướp biển hành nghề (12). Sự chống phá của các thế lực phản nghịch trong trấn Hà Tiên muốn lật đổ chính quyền họ Mạc cũng gây không ít trở ngại cho chúa Nguyễn cũng như dòng họ Mạc.

Để bảo vệ chủ quyền và an ninh vùng biển đảo Tây Nam Bộ, chúa Nguyễn đã tích cực chi viện nhân lực và vật lực cho họ Mạc. Đồng thời, chúa Nguyễn đã chỉ đạo họ Mạc ra sức phát triển lực lượng quân sự và đầu tư xây dựng hệ thống đồn lũy phòng thủ. Hệ thống đồn lũy phòng thủ mà họ Mạc đã xây dựng là tương đối vững chắc với hai bộ phận: (i) Trú Bần Thành (Lũy Thị Vạn hay Bờ Đồn Lớn) được đắp dưới thời

Mạc Cửu và sau đó được gia cố thêm dưới thời Mạc Thiên Tứ. Lũy này chạy từ bờ biển phía Nam lên biên giới phía Bắc (giáp Chân Lạp) rồi cặp với Lũy Giang Thành. Tổng chiều dài hai lũy ước tính khoảng 20km. Ngày nay, Giang Thành không còn thành quách mà chỉ là một địa danh thuộc xã Tân Khánh Hòa, huyện Kiên Lương cách thị xã Hà Tiên khoảng 10km theo đường chim bay; (ii) Lũy Phù Dung (Bờ Đồn Nhỏ) khởi đầu từ đảo Kim Dị và bao vòng núi Phù Dung (Đê Liêm) đến bờ sông Thủy Trường (Rạch Ụ) dài khoảng 2km (13). Ở các đảo xa bờ, họ Mạc đã cho xây dựng đồn lũy phòng thủ ngay trên các đảo để phòng vệ. Trong đó, họ Mạc quan tâm xây dựng hệ thống đồn lũy phòng thủ ở Phú Quốc nhiều hơn cả vì đảo này thường xuyên bị giặc biển Chà Và tấn công cướp bóc (14).

Song song đó, họ Mạc cũng chú ý phát triển quân đội. Dưới thời của Mạc Thiên Tứ, quân đội đa tộc người, bao gồm người Việt, Hoa, Khmer, Mã Lai... khi phối hợp với quân đội của chúa Nguyễn không chỉ đẩy lui được các cuộc tấn công của giặc ngoại xâm và còn rất thành công trong các hoạt động tiêu phi (15). Nhờ xây dựng được một lực lượng quân đội hùng mạnh và hệ thống đồn lũy phòng thủ kiên cố mà chúa Nguyễn có được một cơ sở vững chắc để bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Tuy chủ quyền và an ninh được giữ vững nhưng Hà Tiên đã nhiều lần bị tàn phá nặng nề. Sự kiện Xiêm La tấn công và chiếm giữ vùng đất Hà Tiên trong ba năm (1771-1773) là một minh chứng rõ nét nhất về những thiệt hại mà Hà Tiên đã phải gánh chịu. Sự kiện này được sách *“Gia Định thành thông chí”* ghi nhận: “Khi quân Xiêm qua xâm chiếm, chúng đã phá hết thành lũy Hà Tiên, phá tan nhà cửa, cướp hết của cải, nhân dân đều bỏ trốn chỉ còn

lại gò đất hoang mà thôi. Tông Đức Hầu (chỉ Mạc Thiên Tứ) khôn xiết bùi ngùi trước cảnh hoang tàn như thơ Thử Ly miêu tả nên tạm trú ở Trấn Giang, rồi sai Hiệp trấn Mạc Tử Hoàng trở về để sửa sang lại dinh lũy” (16).

3. Quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ phản ánh tầm nhìn chiến lược của các chúa Nguyễn

Tầm nhìn chiến lược của chúa Nguyễn được thể hiện qua việc chọn đúng thời điểm tiến hành công cuộc xác lập chủ quyền. Từ cuối thế kỷ XVII, trên cơ sở bảo vệ những vùng lãnh thổ mới xác lập được chủ quyền trên đất liền trước sự nhòm ngó của Xiêm La mà vùng biển đảo Tây Nam Bộ trở nên đặc biệt quan trọng đối với chính quyền họ Nguyễn (17). Kiểm soát và làm chủ vùng lãnh hải này trở nên cấp thiết. Tuy nhiên, cho đến khoảng thời gian này chúa Nguyễn vẫn chưa có nhiều động thái tiến hành xác lập chủ quyền đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ.

Nguyên nhân là vì, cho đến lúc đó, chúa Nguyễn vẫn chưa xác lập xong chủ quyền ở vùng Đông Nam Bộ. Xác lập chủ quyền đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ cần được tiến hành tuần tự, từ dễ đến khó và từ gần đến xa. Trên cơ sở nhận thức đó, chúa Nguyễn đã không xác lập chủ quyền đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ khi chưa xác lập xong chủ quyền ở vùng Đông Nam Bộ. Nhận thức của chúa Nguyễn về vấn đề này được thể hiện phần nào qua sự kiện Nặc Nguyên dâng hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp cho chúa Nguyễn vào năm 1756:

“Nặc Nguyên nước Chân Lạp trình bày rằng việc đánh cướp Côn Man là do tướng Chiêu Chùy Ếch gây ra, nay xin hiến đất hai phủ Tầm Bôn, Lôi Lạp và nộp bù lễ cống còn thiếu về ba năm trước để chuộc tội. Mạc Thiên Tứ đem việc tâu lên. Chúa

cùng các quan bàn, ra lệnh bắt Chiêu Chùy Ếch đem nộp. Nặc Nguyên trả lời rằng Ếch đã bị xử tử rồi. Khiến bắt vợ con. Nguyên lại kiếm cớ xin tha. Chúa biết là nói dối, không y lời xin. Nguyễn Cư Trinh kịp tâu rằng: “Từ xưa việc dụng binh chẳng qua là để trừ diệt bọn đầu sỏ và mở mang thêm đất đai. Nặc Nguyên nay đã biết ăn năn xin hàng nộp đất, nếu truy mãi lời nói dối ấy thì nó tất chạy trốn. Nhưng từ đồn dinh Gia Định đến La Bích, đường sá xa xôi, nghìn rừng muôn suối, không tiện đuổi đến cùng. Muốn mở mang đất đai cũng nên lấy hai phủ này trước để củng cố mặt sau của hai dinh. Nếu bỏ gần cầu xa, e rằng hình thế cách trở, binh dân không liên tiếp, lấy được tuy dễ, mà giữ được là khó. Khi xưa mở mang phủ Gia Định tất phải mở đất Hưng Phúc, rồi đến đất Đồng Nai, khiến cho quan dân đông đủ, rồi sau mới mở đến Sài Gòn. Đó là cái kế tầm ăn dần. Nay đất cũ từ Hưng Phúc đến Sài Gòn chỉ hai ngày đường, dân cư còn chưa yên ổn, quân giữ cũng chưa đủ nữa là. Huống từ Sài Gòn đến Lâm Bôn, xa sáu ngày đường, địa thế rộng rãi, dân số đến vạn người, quân chính quy đóng giữ thực sợ chẳng đủ. Thần xem người Côn Man giỏi nghề bộ chiến, người Chân Lạp đã sợ lắm. Nếu cho họ đất ấy khiến họ chống giữ, “lấy người Man đánh người Man” cũng là đắc sách. Vậy xin cho Chân Lạp chuộc tội, lấy đất hai phủ ấy, ủy cho thần xem xét hình thế, đặt lũy đóng quân, chia cấp ruộng đất cho quân và dân, vạch rõ địa giới, cho lệ vào châu Định Viễn để thu lấy toàn khu. Chúa bèn y cho” (18).

Mặc dù ý thức của chúa Nguyễn về vấn đề xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ được đề cập trong “*Đại Nam thực lục*” là vào năm 1756 (công cuộc xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn đối với vùng Nam Bộ nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng sắp hoàn thành) nhưng qua lời tâu của Nguyễn Cư

Trinh, có thể thấy, từ khi bắt đầu công cuộc khai mở vùng đất phương Nam, chúa Nguyễn đã ý thức rõ quá trình đó phải được tiến hành bài bản từng bước, trên cơ sở những lợi ích mang lại. Cụ thể là, để mở mang phủ Gia Định, chính quyền Đàng Trong đã phải mở đất Hưng Phúc và sau đó là đất Đồng Nai và Sài Gòn. Từ đây suy rộng ra, để tiến hành công cuộc xác lập chủ quyền vùng Tây Nam Bộ nói chung và biển đảo Tây Nam Bộ nói riêng thì hoàn thành công cuộc xác lập chủ quyền vùng Đông Nam Bộ là điều kiện tiên quyết. Hoạt động này còn giúp thúc đẩy quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Thực tế là trong quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ, vùng đất Đông Nam Bộ đã trở thành điểm chuyển cư của lưu dân Việt đến vùng Tây Nam Bộ; và Bến Nghé (từ cuối thế kỷ XVII) được coi là tiền trạm cho các đoàn dân di cư đến những vùng đất ở Tây Nam Bộ.

Song song với đó, Đông Nam Bộ còn là “hậu phương” vững chắc của chúa Nguyễn khi trở thành nơi cung cấp nhân lực và vật lực cho công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ vùng Tây Nam Bộ. Trong các cuộc giao tranh tự vệ, lực lượng quan lại và quân đội tinh nhuệ của Gia Định đã đóng góp vào việc đánh bại các cuộc tấn công xâm lược Hà Tiên của Chân Lạp (thế lực thân Xiêm La) và Xiêm La, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho chính quyền họ Mạc đối phó với các thế lực phản nghịch trong trấn Hà Tiên và nạn cướp biển. Tiêu biểu là sự phối hợp chặt chẽ giữa họ Mạc với quan binh phủ Gia Định để truy bắt đến tận cùng một băng nhóm cướp biển:

“Tháng 8 mùa Thu năm thứ 10 Đinh Mão (1747) đời Thế Tông Hiếu Võ hoàng đế (Võ vương Nguyễn Phúc Khoát) (năm thứ tám niên hiệu Cảnh Hưng đời vua Lê Hiển Tông. Năm thứ 12, đời vua Càn Long nhà

Đại Thanh), có bọn giặc bể ngục xưng là Võ vương Đức Bụng cướp thuyền Long Bài của Hà Tiên ở ngoài biển Long Xuyên (Cà Mau). Trước đó vào tháng tư, Tông Đức hầu sai người cưỡi thuyền Long Bài mang chén ngọc thủy hỏa mỗi thứ một cái, 20 con hạc đầu đỏ (20 viên ngọc Hạc đỉnh), 1 con gà tây, 1 con chó ngao phương Tây, chim anh vũ ngũ sắc mỗi thứ một con, vải phương Tây, chiếu lãng văn, chiếu đàng hoa, cùng các vật quý để hiến dâng về kinh. Vua ban cho bằng bổng dụng: 2 đạo sắc cai đội, 2 đạo sắc đội trưởng cùng gấm đoạn và vật dụng khác. Tháng 8, đoàn tàu Long Bài về đến hải phận Long Xuyên thì gặp hải tặc là ngục Võ vương Đức Bụng (y là người phủ Quy Nhơn, tên là Đức, vì bụng của y to nên mới gọi là Đức Bụng), chúng đã biết trước nên chờ rình ở ngoài biển để cướp lấy. Tông Đức hầu được tin, tức khắc sai người rể là Ngũ nhưng Cai đội Kỳ Tài hầu Từ Hữu Dụng dùng 10 chiếc tàu lớn ra bắt được 4 tên trong đảng cướp giết đi. Đức Bụng trốn sang vùng biển Ba Thắc. Tông Đức hầu đem việc ấy trình với thành Gia Định xin Điều khiển quan chia đường tìm bắt. Năm sau mới bắt được và xử lăng trì, từ đó dư đảng mới được dẹp yên” (19).

Bước sang thế kỷ XVIII, công cuộc xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ thuận lợi hơn do: (i) công cuộc xác lập chủ quyền vùng Đông Nam Bộ về cơ bản đã hoàn thành với sự kiện phủ Gia Định được thành lập (năm 1698); (ii) thế và lực của chính quyền họ Nguyễn đang ngày một mạnh hơn trong quá trình mở rộng lãnh thổ ở các vùng đất mới; (iii) chính quyền Chân Lạp từ trung ương đến địa phương đang ngày càng suy yếu và phụ thuộc vào chúa Nguyễn (một bộ phận khác phụ thuộc vào Xiêm La)... Trước sự lớn mạnh của chính quyền họ Nguyễn và bên cạnh đó là việc chính quyền Chân Lạp không còn giữ

được vai trò tích cực trong việc bảo vệ Hà Tiên trước toan tính xâm lược của Xiêm La, vào năm 1708, Mạc Cửu đã đem dâng toàn bộ vùng Hà Tiên cho chúa Nguyễn, đánh dấu việc chúa Nguyễn chính thức tiến xuống vùng Tây Nam Bộ và tạo điều kiện để chính quyền Đàng Trong từng bước mở rộng lãnh thổ về phía Tây Nam.

Từ sau khi tiếp nhận vùng Hà Tiên, chính quyền Đàng Trong đã từng bước làm chủ được vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Sự kiện vua Chân Lạp là Nặc Tôn dâng vùng đất Tầm Phong Long và sau đó năm phủ phía Tây trấn Hà Tiên là Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh vào năm 1757 là sự kiện đánh dấu việc hoàn thành về cơ bản công cuộc xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ (20). Như vậy, trước khi tiến hành công cuộc xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ, chúa Nguyễn đã phân tích và đánh giá kỹ càng thuận lợi và khó khăn để đưa ra quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Tầm nhìn chiến lược của chúa Nguyễn còn được thể hiện rõ nét qua việc giao toàn quyền quản lý Hà Tiên cho dòng họ Mạc. Về lý mà xét, sau khi Hà Tiên được sáp nhập vào Đàng Trong thì Hà Tiên sẽ chịu sự quản lý của chúa Nguyễn. Thế nhưng trên thực tế, chúa Nguyễn đã không trực tiếp quản lý vùng đất này mà trao quyền quản lý cho họ Mạc và giữ mối quan hệ cống nạp với tục lệ ba năm một lần đại cống nạp và mỗi năm một lần tiểu cống nạp (21). Mặc dù vậy, sự phát triển của Hà Tiên luôn nằm trong tầm kiểm soát của chúa Nguyễn. Việc chúa Nguyễn tin tưởng và giao phó trách nhiệm quản lý Hà Tiên cho họ Mạc đã thể hiện sự sáng suốt và nhãn quan nhìn nhận con người của người đứng đầu vùng đất Đàng Trong.

Tài năng của Mạc Cửu là nhân tố nổi bật. Cũng cần chú ý rằng Mạc Cửu không chỉ nhận được sự tin cậy của chính quyền Đàng Trong mà trước đó trong suốt khoảng thời gian sinh sống tại Chân Lạp và Xiêm La ông cũng sớm được lòng tin của vua Chân Lạp và sự yêu quý của Quốc vương Xiêm La. Lòng trung thành cũng như kinh nghiệm tổ chức quản lý và phát triển thương mại của Mạc Cửu là cơ sở giúp chính quyền Đàng Trong hạ quyết tâm chọn họ Mạc để hỗ trợ việc quản lý và bảo vệ vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Trong lúc chúa Nguyễn chưa có đủ điều kiện thuận lợi để trực tiếp quản lý vùng lãnh thổ này thì việc lựa chọn Mạc Cửu với vai trò đại diện thực thi các hoạt động kiểm soát và khai thác vùng biển đảo Tây Nam Bộ là hợp lý.

Sau khi xây dựng Hà Tiên thành một vùng đất trù phú thì Mạc Cửu đã dâng toàn bộ vùng đất này cho chính quyền Đàng Trong. Xem xét những lý do thôi thúc Mạc Cửu chọn chúa Nguyễn để nương nhờ giúp nhìn nhận đầy đủ hơn về tài trí của ông. Điều cần khẳng định trước tiên là tính nhạy bén trước thời cuộc của Mạc Cửu. Đầu thế kỷ XVIII, Hà Tiên trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm của chính quyền Đàng Trong và Xiêm La. Nhận thức rõ cơ nghiệp mà bản thân dày công xây dựng đang bị đe dọa, Mạc Cửu đã tìm đến chính quyền Đàng Trong để nương nhờ khi không đủ khả năng bảo vệ vùng đất này. Việc Mạc Cửu dâng Hà Tiên cho chúa Nguyễn mà không phải cho Xiêm La còn phản ánh tư duy sắc sảo của Mạc Cửu về tương quan quyền lực giữa Xiêm La và chính quyền Đàng Trong.

Bên cạnh đó, chúa Nguyễn cũng hiểu rõ rằng Hà Tiên là vùng lãnh thổ được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của dòng họ Mạc hàng thập kỷ trước khi chúa Nguyễn với tay tới và là vùng đất mà chính quyền Đàng Trong mới thiết lập hệ thống hành

chính lại xa trung tâm của chính quyền ở Phú Xuân nên chúa Nguyễn chưa thật sự thuận lợi để quản lý trực tiếp. Hơn thế nữa, xét về tiềm lực kinh tế và quân sự thì chính quyền Đàng Trong cũng không chiếm ưu thế quá rõ rệt so với chính quyền Đàng Ngoài. Việc điều động quân dân khai thác Hà Tiên sẽ khiến lực lượng quân sự Đàng Trong bị phân tán. Ngoài Sài Gòn - Bến Nghé hay Đồng Nai và Mỹ Tho thì còn nhiều khu vực trên vùng đất Nam Bộ mà chính quyền Đàng Trong vẫn chưa kiểm soát thật chặt chẽ. Khai thác vùng đất và biển đảo Tây Nam Bộ sẽ gặp nhiều khó khăn.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn và nhân tố con người, chính quyền Đàng Trong đã tin tưởng giao phó trách nhiệm quản lý vùng Hà Tiên cho dòng họ Mạc. Sau khi Mạc Cửu qua đời thì con trai của ông là Mạc Thiên Tứ được chúa Nguyễn cho lên thay cha làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Thêm nữa, yếu tố tình cảm càng củng cố thêm cho việc chúa Nguyễn trọng dụng họ Mạc. Vì người vợ đầu (Nguyễn Thị Ý Đức) không có con trai nên Mạc Cửu đã cưới thêm một người vợ Việt là Bùi Thị Lắm (quê ở làng Đông Môn, tỉnh Đồng Nai), sau bà sinh ra Mạc Thiên Tứ. Vì vậy, Mạc Thiên Tứ được coi là con lai giữa Mạc Cửu và Bùi Thị Lắm. Trong bài thơ "*Giang Thạch Dạ*", Mạc Thiên Tứ cũng không ngần ngại khi tự nhận mình là người Việt và Đàng Trong là "nước nhà" của ông: "Yêu nước nhà phải gài then chốt/ Dự phòng khi nhẩy nhót binh đao/ Đêm bằng canh trống chuyên lao/ Miễn an đất Chúa quản nào thân tôi" (22). Mang trong mình dòng máu của người Việt nên việc Mạc Thiên Tứ đem tài năng dựng xây quê hương xứ sở là hoàn toàn phù hợp với đạo lý tự nhiên. Xuất phát từ góc độ tình cảm và những gì Mạc Cửu đã cống hiến cho vùng đất Hà Tiên, chúa Nguyễn càng có cơ sở để tin tưởng và trọng dụng Mạc Thiên Tứ.

4. Quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ mang nhiều dấu ấn của dòng họ Mạc

Trong quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ, dòng họ Mạc đã để lại những dấu ấn đậm nét. Trước tiên là họ Mạc dâng đất Hà Tiên và giúp chính quyền họ Nguyễn tiếp nhận thêm nhiều vùng đất khác từ Chân Lạp. Vì không chịu được những chính sách cai trị hà khắc của triều đình nhà Thanh nên vào năm 1680 Mạc Cửu đã rời quê hương xứ sở sang nương náu ở phủ Nam Vang nước Chân Lạp (23). Do nói thành thạo tiếng Chân Lạp lại khéo léo trong ứng xử nên Mạc Cửu sớm được vua Chân Lạp tin dùng mời ra làm quan. Làm quan trong triều đình Chân Lạp được một thời gian, nhận thấy những mâu thuẫn trong nội bộ Chân Lạp có thể tác động xấu đến bản thân nên Mạc Cửu đã xin với vua Chân Lạp cho ra vùng đất Sài Mạt. Với lý do là để chiêu tập người buôn bán nhằm mang lại nguồn thu cho vương quốc, Mạc Cửu đã được vua Chân Lạp chấp thuận và phong chức “Okna” (Ốc nha) - một chức quan trấn thủ đất Chân Lạp lúc bấy giờ. Tại đây, Mạc Cửu đã lập ra bảy xã thôn là Cần Vọt, Giá Khê, Lũng Kỳ, Hương Úc, Cà Mau và Phú Quốc (24). Đến năm 1688, quân Xiêm đánh chiếm Chân Lạp và theo đó tiến đến vùng đất Sài Mạt. Bấy giờ, “Tướng Xiêm thấy cụ là người hùng dũng cương nghị, trong bụng rất mến, bèn đối đãi tử tế và khuyên dụ cụ cùng theo về nước. Cụ không còn cách nào từ chối, đành theo họ về phương Bắc. Vua Xiêm nom thấy tướng mạo của cụ thì mừng rỡ lưu giữ cụ ở lại. Về sau, cụ lại dùng tiền làm mờ nhử những quan lại có quyền thế nước ấy cho cụ được ra cư trú tại vùng đất thuộc nước Xiêm bên bờ biển núi Vạn Tuế” (25). Đối với Mạc Cửu, việc phải đến Xiêm La sinh sống là điều bất đắc dĩ. Do đó, đến

năm 1699, nhân lúc nước Xiêm có nội biến Mạc Cửu đã nhanh chóng nắm bắt tình hình và tận dụng thời cơ để dẫn dắt dân chúng về vùng đất Lũng Kỳ (26). Nhưng sau đó, Mạc Cửu nhận thấy đất Lũng Kỳ địa thế chật hẹp không thể ở được đông người nên một năm sau (1700) đã dời về vùng đất Mang Khảm (Hà Tiên) (27). Để đến được với vùng đất Hà Tiên an cư lập nghiệp thì Mạc Cửu đã phải trải qua nhiều bôn ba và thăng trầm.

Dưới sự quản lý của Mạc Cửu thì Hà Tiên ngày một phát triển nhưng cũng chính sự phát triển đó đã khiến cho vùng đất này sớm rơi vào tầm ngắm của Xiêm La. Để gìn giữ cơ nghiệp, Mạc Cửu suy tính việc nương nhờ vào một thế lực bảo hộ. Mạc Cửu nhận thấy chính quyền Đàng Trong là lực lượng duy nhất có thể đối trọng với Xiêm La. Mạc Cửu cũng hiểu rõ tình hình chính trị ở Đàng Trong là ổn định hơn so với tình hình chính trị ở Chân Lạp và Xiêm La. Về khoảng cách địa lý thì người làm chủ Hà Tiên lúc bấy giờ cũng nhận thấy khoảng cách từ Hà Tiên đến Đàng Trong là gần hơn so với khoảng cách từ Hà Tiên đến Chân Lạp hay Hà Tiên đến Xiêm La. Khoảng cách địa lý gần hơn giúp Đàng Trong có thể ứng cứu kịp thời khi họ Mạc gặp khó khăn hay nguy khốn.

Trong lúc Mạc Cửu còn đắn đo thì một mưu sĩ tên là Tô Quân đã khuyên Mạc Cửu: “Người Chân Lạp tính xảo quyệt gian trá, ít trung hậu, không thể nương tựa lâu được. Nghe nói chúa Nam Triều có tiếng nhân nghĩa, uy đức vốn đủ tin, chỉ bằng đến gõ cửa xưng thần để gây bám rễ vững chắc. Muôn một có biến cố gì, thì nhờ chúa giúp đỡ” (28). Những gợi ý của mưu sĩ họ Tô và nhận thức của Mạc Cửu về chính quyền Đàng Trong khiến ông quyết tâm nương nhờ vào chúa Nguyễn. Vào năm “Mậu Tý (1708) năm thứ 17, mùa Thu, Cửu

cùng thuộc hạ là bọn Trương Cầu, Lý Xá mang ngọc lụa đến cửa khuyết dâng biểu xưng thần, xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa thấy Cửu tướng mạo khôi ngô kỳ liệt, tiến lui cung kính, cẩn thận, khen là trung thành, bèn ban sắc cho làm việc nước đặt tên trấn Hà Tiên, trao cho Cửu chức Tổng binh quan, cho ấn vàng thao. Lại sai nội thần tiễn Cửu ra ngoài cửa thành. Ai cũng cho là vinh dự” (29). Trần Kinh Hòa (1917-1995) nhận định rằng, quyết định dâng toàn bộ vùng Hà Tiên cho chúa Nguyễn có thể được xem là kết quả của những biến động về chính trị tại Chân Lạp và Nam Bộ (30). Việc Mạc Cửu tự nguyện dâng thành quả nhóm họp và thành lập các thôn ấp trên vùng đất Mang Khảm cho chính quyền Đàng Trong là một trường hợp đặc biệt về quá trình lập nghiệp cũng như hòa nhập của những di dân người Hoa với cộng đồng người Việt (31).

Sự kiện Mạc Cửu đem dâng toàn bộ vùng Hà Tiên cho chúa Nguyễn và nhận được sự chấp thuận của chúa Nguyễn cũng phản ánh sự hiểu biết của cả hai bên. Trong khi Mạc Cửu tránh được tình thế bất lợi cho mình, thì chúa Nguyễn nhờ có được Hà Tiên mà sở hữu một tiền trạm chiến lược phía Tây sông Hậu và tạo ra cái thế không thể dừng trong cuộc khai thác phương Nam (32). Như vậy, hành động dâng đất Hà Tiên của Mạc Cửu chính là dấu ấn nổi bật đầu tiên trong quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn.

Sau khi Mạc Cửu qua đời (1735) thì con trai của ông là Mạc Thiên Tứ đã được chúa Nguyễn cho tập ấm làm Đô đốc Tông Đức hầu (33). Vào năm 1757, Mạc Thiên Tứ đã đứng ra sắp xếp và giúp chúa Nguyễn tiếp nhận thêm nhiều vùng đất khác từ Chân Lạp. Sách *Gia Định thành thông chí* ghi nhận cụ thể như sau: “Năm thứ 20, Đinh Sửu (1757) (năm thứ 18 niên hiệu Cảnh

Hưng đời vua Lê Hiển Tông. Năm thứ 22 đời vua Càn Long nhà Đại Thanh), nước Cao Miên có binh biến, vương tôn Nặc Ong Ton chạy sang Hà Tiên và xin được làm con nuôi của Tông Đức hầu. Tông Đức hầu đem việc ấy tâu lên, vua phong cho Nặc Ong Ton được làm quốc vương nước Cao Miên, rồi cho quân hộ tống về lấy lại nước. Sau khi mọi việc đã yên, Nặc Ong Ton lấy đất năm phủ Chơn Giùm, Sài Mạt, Linh Quỳnh, Cần Vọt và Vũng Thơm dâng cho Tông Đức hầu để tạ ơn đã nuôi nấng che chở cho đến ngày thành tựu. Tông Đức hầu đem đất ấy dâng lên triều đình, triều đình chuẩn nhận đất 5 phủ ấy nhưng vẫn cho thuộc vào trấn hạt Hà Tiên. Tông Đức hầu còn lập đạo Kiên Giang ở Rạch Giá, đạo Long Xuyên ở Cà Mau và đặt chức quan lại để trông coi” (34).

Về vấn đề này sách *Đại Nam thực lục* cũng đã ghi nhận: “Nặc Nguyên nước Chân Lạp chết. Người chú họ là Nặc Nhuận tạm coi việc nước. Biên thần tâu xin nhân đó lập Nhuận để tỏ rõ ân nghĩa, cho vững biên cương. Chúa bắt phải hiến hai phủ Trà Vinh, Ba Thắc, rồi sau đó y cho. Khi ấy xảy việc con rể Nặc Nhuận là Nặc Hình giết Nặc Nhuận để cướp ngôi, con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Thống suất Trương Phúc Du thừa thế tiến đánh. Nặc Hình chạy đến Tầm Phong Xuy, bị quan phiên Ốc Nha Ôn giết chết. Bấy giờ Mạc Thiên Tứ cũng tâu giúp cho Nặc Tôn. Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn làm vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ năm dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long. Phúc Du và Cư Trinh tâu xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tầm Bào (nay là thôn Long Hồ, tức tỉnh lý Vĩnh Long). Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiên Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp. Bấy giờ Nặc Tôn lại cắt năm

phủ Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình. Chúa cho lệ năm phủ ấy vào quản hạt Hà Tiên, Thiên Tứ lại xin đặt Giá Khê làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu dân cư, lập thôn ấp, làm cho địa giới Hà Tiên càng thêm rộng” (35).

So với sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức thì sách *Đại Nam thực lục* đã ghi chép cụ thể hơn diễn biến sự việc dẫn đến hành động dâng đất của Nặc Tôn. Tuy nhiên, về việc Nặc Tôn nương nhờ Mạc Thiên Tứ và được Mạc Thiên Tứ giúp đỡ như thế nào thì sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức lại cho biết rõ hơn. Những ghi chép trong *Đại Nam Thực lục* và *Gia Định thành thông chí* về cơ bản là bổ sung cho nhau để hiểu rõ hơn những vấn đề xoay quanh việc dâng đất của Nặc Tôn và việc tiếp nhận của chúa Nguyễn và Mạc Thiên Tứ. Với việc tiếp nhận thêm các vùng đất trên thì đến đây các chúa Nguyễn đã hoàn thành quá trình xác lập chủ quyền đối với vùng Nam Bộ nói chung và biển đảo Tây Nam Bộ nói riêng. Để có được thành quả này thì những đóng góp của Mạc Thiên Tứ là rất to lớn. Những tư liệu trên còn cho thấy rằng Mạc Thiên Tứ đã chủ động xin chúa Nguyễn cho thiết lập các đơn vị hành chính mới và cắt cử quan lại quản lý ở những vùng đất đã được khai phá. Qua việc này, dòng họ Mạc đã để lại nhiều dấu ấn trong quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Từ bảy xã, thôn ban đầu do Mạc Cửu lập ra ở các xứ Phú Quốc, Lũng Kè, Cần Bột, Vũng Thơm, Rạch Giá và Cà Mau (đầu thế kỷ XVIII) thì nay số lượng đã nhanh chóng tăng lên với 103 xã, thôn, điểm, đội, nậu, phố, thuộc, sở, sóc (đầu thế kỷ XIX) (36).

Bên cạnh việc dâng đất Hà Tiên và giúp chúa Nguyễn tiếp nhận thêm nhiều vùng

đất từ Chân Lạp thì họ Mạc còn giúp bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ và nhiều lần đẩy lui các cuộc xâm lấn của Chân Lạp (thế lực thân Xiêm La) và Xiêm La. Trấn áp nạn cướp biển cũng là hoạt động được thường xuyên thực hiện. Tiêu biểu có thể kể đến việc Mạc Thiên Tứ trên cơ sở sự chi viện của chúa Nguyễn đã ngăn chặn thành công dự định tấn công xâm chiếm Hà Tiên vào năm 1766 và đẩy lùi được cuộc tấn công chiếm giữ Hà Tiên trong ba năm (1771-1773) của Xiêm La (37). Hay là sự kiện quân của Mạc Thiên Tứ phối hợp với quan binh phủ Gia Định truy bắt thành công tên giặc biển Đức Bụng hoạt động cướp bóc ở vùng biển Long Xuyên trong hai năm (từ năm 1747 đến năm 1748) (38). Đáng chú ý là, trong một số trường hợp khi không có sự phối hợp với quân đội của chúa Nguyễn thì quân đội của họ Mạc cũng đã đối phó được với thế lực xâm lấn. Có thể kể đến sự kiện năm 1739 “Nặc Bồn nước Chân Lạp lấn Hà Tiên. Nặc Bồn oán Mạc Cửu vì có mất đất. Cửu chết, Thiên Tứ mới lĩnh trấn tiết, Bồn bèn cử binh đến lấn. Thiên Tứ đem hết quân bảo hộ ra đánh, đuổi tới Sài Mạt, ngày đêm đánh hăng lương thực không tiếp kịp. Vợ là Nguyễn Thị đốc suất vợ lính vận lương đến nuôi quân, quân không bị thiếu ăn, hăng hái cố đánh phá được quân Bồn. Tin thắng trận báo lên, Chúa cả khen ngợi, đặc biệt cho Thiên Tứ chức Đô đốc tướng quân, ban cho áo bào đỏ và mũ đai, phong Nguyễn Thị làm Phu nhân. Do đó Chân Lạp không dám nhòm ngó Hà Tiên nữa” (39).

Hay là việc Mạc Thiên Tứ làm thất bại âm mưu “nội ứng, ngoại hợp” đánh úp Hà Tiên của Mạc Sùng và Mạc Khoan cấu kết với người Triều Châu lưu vong tên là Trần Thái. Vào năm 1769, “Trần Hà Tiên thấy nước láng giềng có biến động nên càng hết sức canh phòng biên ải. Trong lúc đó có

người Triều Châu lưu vong tên là Trần Thái rủ rê tụ họp bọn cướp ở núi Bạch Mã (thuộc đất Hà Tiên) mưu đánh úp trấn Hà Tiên. Chúng bí mật cấu kết với người của gia tộc họ Mạc là Mạc Sùng, Mạc Khoan, và ước hẹn đêm 13 tháng 6 phóng lửa đốt làm nội ứng. Việc ấy bị lộ, Tông Đức hầu cứ y như ước hẹn ấy, ngầm cho phục binh vây bắt rồi truy quét bọn đồng đảng ở chùa Hương Sơn (tục gọi là chùa thầy Hương). Trần Thái chạy trốn qua xứ Chân Bôn thuộc Xiêm La. Ngày 20, người dân Cao Miên ở sóc Vọng Vân là Nặc Bồn tụ tập hơn 900 người toan làm loạn, nhưng cũng liên bị dẹp ngay” (40). Ngoài ra, còn phải kể đến việc Mạc Thiên Tứ tiêu diệt tên đào binh Phạm Châm đã tụ họp những người ở Hương Úc và Cần Vọt cùng người Chà Và tên là Vang Ly Ma Lư và người Chân Lạp là Ốc Nha Ghê gồm hơn 800 quân và 15 chiếc thuyền (chia thành đường thủy và đường bộ) âm mưu đánh chiếm Hà Tiên vào năm 1770 (41).

Dòng họ Mạc “thực sự trở thành tiền đồn trấn giữ vùng biên cương của Tổ quốc, kiên cường chống giặc ngoại xâm” (42). Để ghi nhận công lao to lớn của Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ, vua Gia Long đã cho Mạc Tử Thiêm (1802) và Mạc Công Du (1816) tiếp tục trấn thủ vùng đất Hà Tiên (43). Bên cạnh đó, nhiều con cháu của họ Mạc cũng nắm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền ở Hà Tiên. Tiêu biểu là việc Mạc Tử Sanh được chúa Nguyễn Phúc ánh bổ làm Tham tướng và phong tước là Lý Chánh hầu. Trước khi bổ dụng Mạc Tử Sanh, Chúa đã trải lòng: “Khi trước Tông Đức hầu và con cháu ông bị hại, chỉ còn con thứ là Tử Sanh, Tử Tuấn và Tử Thiêm vì còn nhỏ lại được Cao la hâm Hốc (người Cao Miên làm quan ở xứ Xiêm La) thương tình mang đi dẫu.

Còn bọn cháu là Công Bính, Công Du, Công Thế, Công Tài ở tuổi đang bông thì lẫn theo dân ta bị đẩy đến nơi biên ải xa xôi, sau được vua mới nước Xiêm gọi về và nuôi nấng. Lúc này vua nghĩ đến cháu con sót lại của công thần nên bổ Tử Sanh làm Tham tướng, phong tước là Lý Chánh hầu” (44). Đến năm 1818, vua Gia Long còn sai Mạc Công Du tìm hỏi sự tích Hà Tiên để đưa vào chính sử vì sự tàn mác của các sử liệu ghi chép do trải qua chiến loạn và vì Hà Tiên theo Dự của vua Gia Long thì “Đất Hà Tiên là bờ cõi mới do các thánh mở mang và là chỗ đất cũ của tổ tiên người là Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ được phong. Từ triều trước trở đi công việc đều có sách vở ghi chép. Từ giặc Tây Sơn nổi loạn, sách vở tản mát, không theo dấu mà kêu cứu được. Nay bắt đầu yên định, dân trước sót lại hãy còn, người nên hết lòng tìm hỏi thu nhặt việc cũ, biên chép tiến lên, trăm sẽ đưa vào tín sử, để lại đời sau” (45).

Năm 1833, Mạc Công Du cùng em trai là Mạc Công Tài và hai người con trai là Mạc Hầu Hi và Mạc Hầu Diệu theo Lê Văn Khôi nổi dậy nên đều bị tội. Sách *Đại Nam liệt truyện* ghi nhận: “Năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) mùa hạ, nghịch đảng Lê Văn Khôi chiếm giữ thành Phiên An. Công Du, Công Tài và con là Hầu Hi, Hầu Diệu đều nhận quan chức của giặc. Việc bị phát giác, vua sắc sai bắt về kinh tra hỏi. Công Du, Công Tài liền ốm chết. Con là Hầu Hi và Hầu Diệu đều bị giam vào ngục ở kinh. Sau đó, tha cho Hầu Diệu sai đi trình thám nước Xiêm, lâu không thấy về. Lại tha cho Hầu Hi cho đi vùng thượng ở Nghệ An trình thám, đi không được việc, trở về, gây rạc, ốm chết ở trong ngục Nghệ An” (46). Sau biến cố này, con cháu họ Mạc không thể an cư ở Hà Tiên. Người chết không kịp dựng bia còn người sống

thì phải cao bay xa chạy và thậm chí là phải thay tên đổi họ để trốn tránh triều đình (47). Mãi đến năm 1845, vua Thiệu Trị mới ra lệnh ân xá cho con cháu họ Mạc. Đồng thời, có lệnh tìm lại con cháu họ Mạc và trọng dụng những người có tài.

Nguyên nhân dẫn đến việc vua Thiệu Trị ra lệnh ân xá cho con cháu họ Mạc là vì trước đó Đại học sĩ Trương Đăng Quế sau khi đi kinh lý tổ chức lại việc cai trị ở những địa phương vừa xảy ra chiến tranh về (trong đó có vùng Hà Tiên) đã tâu với nhà vua rằng: “Lúc bắt đầu mở đất Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ có công tốt, nên xét đến con cháu người ấy. Bèn sai hỏi đến con cháu Mạc Thiên Tứ, người nào có tài có thể dùng được, cứ thực tâu lên. Sau đó, Lãnh phủ Hà Tiên Nguyễn Lương Nhân chọn được dòng dõi chính là Mạc Văn Phong, được chuẩn cho ấm thụ chánh thất phẩm chánh đội trưởng, theo sai phái ở tỉnh ấy” (48). Về vấn đề này sách *Quốc triều chính biên toát yếu* cũng ghi nhận tương tự như sau: “Tháng 3, khiến hỏi tìm con cháu họ Mạc. Bởi vì Đại học sĩ Trương Đăng Quế tâu rằng: Khi trước mở mang tỉnh Hà Tiên, công Mạc Thiên Tứ rất nhiều; xin nên lục dụng con cháu họ Mạc. Ngài khiến xét hỏi con cháu Mạc Thiên Tứ có tên nào dùng được không? Lãnh Tuần phủ Hà Tiên Nguyễn Lương Nhân cử tên Mạc Văn Phong là cháu chánh phái Mạc Thiên Tứ. Ngài cho ấm thụ Chánh thất phẩm đội trưởng từng tỉnh sai phái” (49). Như vậy, mặc dù Mạc Công Du, Mạc Công Tài, Mạc Hầu Hi và Mạc Hầu Diệu đã mắc tội rất lớn là làm phản nhưng cuối cùng vì nghĩ tới công lao mở mang đất đai của Mạc Thiên Tứ mà vua Thiệu Trị đã tha tội cho con cháu họ Mạc.

5. Quá trình xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ phù hợp với quy luật lịch sử và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế về chủ quyền hiện nay

Vùng đất Nam Bộ từ rất sớm đã là địa bàn cư trú của nhiều cộng đồng dân cư thuộc nhiều chủng tộc khác nhau (50). Vào khoảng đầu Công nguyên, dân cư sinh sống ở Nam Bộ đã xây dựng nên Nhà nước Phù Nam. Trong thời kỳ phát triển cực thịnh nhất (thế kỷ V-VI), Phù Nam đã vươn lên trở thành một đế chế rộng lớn với nhiều thuộc quốc phân bố ở phía Nam bán đảo Đông Dương và bán đảo Malacca. Vào đầu thế kỷ VII, nhân lúc Phù Nam suy yếu, Chân Lạp (vốn là thuộc quốc của Phù Nam) đã tấn công và xâm chiếm một phần lãnh thổ của đế chế này ở vùng hạ lưu sông Mekong. Phần lãnh thổ đó tương đương với vùng đất Nam Bộ ngày nay (51). Chiếm được gần như toàn bộ vùng đất Nam Bộ nhưng trong suốt mười thế kỷ sau đó (từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI) Chân Lạp đã không thực thi đầy đủ chủ quyền đối với vùng đất này khiến cho vùng đất này dần dần bị hoang hóa (52). Vùng biển đảo Nam Bộ và đặc biệt là vùng biển đảo Tây Nam Bộ do có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên nên có một số ít các phum sóc của người Khmer hay một vài làng của người Việt và Chà Và sinh sống. Đáng chú ý là ngay cả khi Chân Lạp đã phát triển thành một quốc gia cường thịnh và tạo dựng được một nền văn minh Angkor rực rỡ thì trên thực tế Chân Lạp cũng không có động thái nào thể hiện sự quan tâm và tiến hành quản chế vùng đất Nam Bộ (53).

Bằng chứng là Châu Đạt Quan đã mô tả lại đặc điểm của vùng đất Nam Bộ trong hồi ký sau chuyến đi sứ sang Chân Lạp trong những năm 1296-1297 như sau: “Hầu hết là rừng thấp cây rậm. Sông dài cảnh rộng, kéo dài mấy trăm dặm, cỏ thụ rậm rạp, mây leo um tùm, tiếng chim muông chen lẫn nhau... Trâu rừng họp thành từng đàn trăm ngàn con, tụ tập ở đấy. Lại có giống đất đầy tre dài dằng dặc mấy trăm dặm. Loại tre đó đốt có gai, măng rất đắng” (54). Những kết quả nghiên cứu khảo cổ học cũng cho thấy các di tích khảo cổ học mang dấu ấn Chân Lạp trên vùng đất Nam Bộ là không nhiều và những ảnh hưởng của văn minh Angkor đối với vùng đất Nam Bộ cũng không thật đậm nét (55). Đây chính là cơ sở quan trọng để khẳng định việc tiếp nhận vùng biển đảo Tây Nam Bộ của chúa Nguyễn từ Chân Lạp trong thế kỷ XVIII và hợp thức hóa thành lãnh thổ của mình là hoàn toàn đúng đắn. Sở dĩ nhận định như vậy là bởi, theo phương thức thụ đắc lãnh thổ do chiếm hữu được quy định trong luật pháp quốc tế hiện nay thì việc xác lập chủ quyền của một quốc gia được thừa nhận là hợp pháp khi quốc gia đó thiết lập hay thực hiện quyền lực của mình trên một lãnh thổ vốn chưa thuộc chủ quyền của bất kỳ một quốc gia nào hoặc một vùng lãnh thổ vốn đã có chủ sau đó bị bỏ rơi và trở lại trạng thái vô chủ ban đầu (56).

Nếu như đến thế kỷ XVI, Nam Bộ vẫn là một vùng đất hoang hóa thì từ thế kỷ XVII trở đi đã trở thành nơi quy tụ của nhiều lớp lưu dân tới định cư sinh sống. “Thành phần chủ yếu nhất chính là những người nông dân và thợ thủ công nghèo khổ ở các tỉnh phía ngoài bị cùng cực, điều đứng vì tai họa chiến tranh, vì bị giai cấp phong kiến áp bức bóc lột tàn bạo, không thể sống nổi, buộc lòng phải rời bỏ quê hương làng xóm... di cư vào các vùng đất mới xa xôi đi tìm con

đường sống” (57), với hy vọng về một viễn cảnh tốt đẹp. Bên cạnh đó còn phải kể đến “những người trốn tránh binh dịch, những tù nhân bị lưu đầy, những binh lính đào ngũ hoặc giải ngũ, những thầy lang, thầy đồ nghèo... và cả những người vốn đã giàu có nhưng vẫn muốn tìm nơi đất mới để mở rộng công việc làm ăn” (58). Tại vùng đất mới, họ đã đẩy mạnh công cuộc khai phá đất đai, phát triển kinh tế nông nghiệp (chủ yếu là trồng lúa nước), lập nhiều làng mạc và về cơ bản là sinh sống khá hòa thuận với các cộng đồng người Khmer.

Vào năm 1700, một người Trung Hoa tên là Mạc Cửu (người xã Lê Quách, huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc) sau nhiều năm bôn ba sinh sống ở Chân Lạp và Xiêm La đã đến vùng đất Mang Khảm (Hà Tiên) đứng ra nhóm họp dân cư lưu tán và lập ra các thôn làng (59). Trong quá trình Mạc Cửu chiếm giữ vùng Hà Tiên, chính quyền Chân Lạp trước sau đều biết rất rõ nhưng đã không có bất cứ hành động phản đối chính thức nào. Điều đó càng củng cố cho những nhận định rằng, chính quyền Chân Lạp đã không có điều kiện để thực thi chủ quyền đối với vùng đất này, hoặc không còn quan tâm hay nhiều khả năng là trong ý thức cũng đã không còn xem vùng đất Nam Bộ thuộc chủ quyền của mình nữa. Dưới sự quản lý của Mạc Cửu, Hà Tiên “ngày một thịnh vượng, nhân dân được an cư lạc nghiệp, xã hội Hà Tiên là một xã hội văn nhã” (60). Tuy đã tạo dựng được một cơ sở kinh tế - xã hội cho Hà Tiên nhưng Mạc Cửu lại thường xuyên phải đối mặt với những khó khăn xuất phát từ sự bất ổn trong nội bộ vương triều Chân Lạp cũng như mối đe dọa xâm lược ngày càng lớn từ Xiêm La. Trong bối cảnh đó, Mạc Cửu đã đem dâng toàn bộ vùng Hà Tiên cho chúa Nguyễn để được chính quyền Đàng Trong bảo hộ. Trước việc dâng đất của Mạc Cửu,

chúa Nguyễn đã tiếp nhận và đặt thành trấn Hà Tiên rồi phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh để cai quản.

Sau khi tiếp nhận Hà Tiên thì những chính sách đối nội cũng như đối ngoại đúng đắn đã giúp chính quyền Đàng Trong đẩy nhanh hoạt động xác lập chủ quyền đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Kết quả là thông qua việc tiếp nhận các vùng lãnh thổ từ chính quyền Chân Lạp, chúa Nguyễn đã lần lượt kiểm soát và làm chủ được toàn bộ vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Tiêu biểu có thể kể đến sự kiện vua Chân Lạp là Nặc Nguyên đã xin hiến đất hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp cho chúa Nguyễn để chuộc tội 3 năm về trước đã chưa nộp lễ cống năm 1756. Hay là sự kiện năm 1757, để trả ơn chúa Nguyễn đã giúp mình lên ngôi vua Nặc Nhuận (người kế ngôi Nặc Nguyên) hiến dâng vùng đất Trà Vang (nay là Trà Vinh và Bến Tre) và Ba Thắc (nay là Sóc Trăng và Bạc Liêu) cho chúa Nguyễn (61). Sau đó, chúa Nguyễn tiếp tục tiếp nhận vùng đất Tầm Phong Long (tương đương với vùng tứ giác Long Xuyên ngày nay) từ Nặc Tôn (62). Với việc dâng đất của Nặc Tôn (1757) thì dường như toàn bộ vùng đất Nam Bộ thực tế đã hoàn toàn thuộc quyền cai quản của chúa Nguyễn, tức là thuộc chủ quyền của Việt Nam (63). Cũng trong năm 1757, chúa Nguyễn Phúc Khoát lại tiếp nhận thêm năm phủ phía Tây trấn Hà Tiên từ Chân Lạp là Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh. Các phủ này vốn được Nặc Tôn dâng tạ ơn Mạc Thiên Tứ, sau “Thiên Tứ hiến cho triều đình” (64). Trước khi có việc chuyển giao và tiếp nhận những vùng lãnh thổ trên giữa Chân Lạp và Đàng Trong thì đã không ít lần quân đội chúa Nguyễn phải băng rừng lội suối để hiện diện ở Chân Lạp và có khi phải can dự vào nội tình của Chân Lạp. Tuy nhiên, mục đích không phải là để chiếm đất mà thực tế là để

ngăn chặn âm mưu chính trị của Xiêm La và chống lại các thế lực thân Xiêm La theo yêu cầu của các vua Chân Lạp (65). Như vậy, đến giữa thế kỷ XVIII (năm 1757), khi chúa Nguyễn tiếp nhận những vùng đất phía Tây Thủy Chân Lạp thì toàn bộ vùng đất Thủy Chân Lạp trên thực tế thuộc quyền cai quản của chúa Nguyễn.

Quá trình xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ đã diễn ra với tính chất hòa bình và xây dựng. Do đó, không thể quan niệm đơn giản rằng người Việt “chiếm lấy” vùng biển đảo Tây Nam Bộ từ Chân Lạp. Trong bối cảnh khu vực và thế giới chưa có một quy định cụ thể hay một văn bản pháp lý nào quy định về vấn đề chủ quyền lãnh thổ; và các vấn đề liên quan đến hai hay nhiều nước đều được giải quyết trên cơ sở sự đồng thuận giữa chính quyền các bên (66) thì quá trình xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ là phù hợp với thông lệ lịch sử. Hơn nữa, trong bối cảnh đại đa số các quốc gia trên thế giới đều dùng biện pháp quân sự để mở rộng lãnh thổ thì những nỗ lực của chính quyền Đàng Trong cần được nhìn nhận theo chiều hướng tích cực. Mặt khác, nếu đối chiếu quá trình xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn với các quy định của luật pháp quốc tế đương đại thì quá trình này là hoàn toàn đúng đắn. Luật pháp quốc tế hiện nay quy định, trong việc chuyển giao lãnh thổ thì quốc gia chuyển giao mất đi hoàn toàn chủ quyền của mình đối với vùng lãnh thổ chuyển giao còn quốc gia nhận chuyển giao bắt đầu có chủ quyền toàn bộ đối với vùng lãnh thổ chuyển giao từ thời điểm được chuyển giao (67). Vì vậy, quá trình xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng biển đảo Tây Nam Bộ phù hợp với thông lệ lịch sử và xác hợp với những quy định về vấn đề chủ quyền trong luật pháp quốc tế hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 326.

(2), (18), (20), (24), (35), (39), (41), (45), 64. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 166, 166, 166, 122, 166, 148, 174, 974, 166.

(3). Vũ Đức Liêm, “Người Thái và biển: Quá trình tương tác, quản lý và xác lập chủ quyền biển trong lịch sử Thái Lan”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (127), 2016, tr. 106.

(4). Tham khảo thêm: Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Viện sử học dịch, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 330-343.

(5), (7), (10), (42). Nguyễn Văn Kim, “Nam Bộ Việt Nam - Môi trường kinh tế biển và mối quan hệ với các quốc gia khu vực thế kỷ XVII-XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1, 2006, tr. 41-42, 42, 40, 41.

(6). Dẫn theo Dương Văn Huy, “Chính sách của chính quyền Đàng Trong Việt Nam đối với người Hoa thế kỷ XVI-XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, 2008, tr. 52. Đến những thập niên cuối thế kỷ XVIII, mức độ nhộn nhịp của thương cảng Hà Tiên không còn được duy trì như hồi nửa đầu thế kỷ XVIII nữa và từng bước mất đi vị thế là một thương cảng trung chuyển mang tầm quốc tế. Nguyên nhân chủ yếu là do (i) cuộc tấn công và chiếm đóng của Xiêm La từ năm 1771 đến 1773; (ii) các cuộc chiến tranh giữa Tây Sơn với chính quyền Đàng Trong từ miền Trung đã nhanh chóng lan vào tận vùng Hà Tiên; (iii) cái chết của Mạc Thiên Tứ trên đất Xiêm La vào năm 1780; (iv) sự dịch chuyển của mạng lưới thương mại trong khu vực: từ vùng cận duyên dọc theo vịnh Thái Lan chuyển vào vùng nội địa với các đồng bằng màu mỡ, dồi dào nguồn thương phẩm - đưa đến sự ra đời của nhiều trung tâm thương mại mới thay thế cho các trung tâm thương mại cũ (trong đó Sài Gòn dần thay thế cho thương cảng Hà Tiên). Thương cảng Hà Tiên đã bị lôi cuốn vào những biến đổi kinh tế - xã hội để rồi từ chỗ là một thương cảng

trung chuyển hàng hóa mang tầm quốc tế nhanh chóng bị rơi vào quên lãng qua vai trò của một vùng biên thẳm lặng trong hệ thống hành chính của một Nhà nước - Nhà nước Đại Nam của triều đình nhà Nguyễn. Đặng Hoàng Giang, “Theo dấu đô thị cổ Hà Tiên”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 10, 2008, tr. 75-76.

(8), (15). Đặng Hoàng Giang, “Quan hệ Hà Tiên - Thuận Hóa thời kỳ khai thiết đồng bằng miền Tây (từ đầu đến nửa sau thế kỷ XVIII)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, 2010, tr. 73, 74.

(9). Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, Quyển III, Nxb. Đại Nam, 1959, tr. 311.

(11). Đỗ Quỳnh Nga, *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 135.

(12). Trần Nam Tiến, “Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền của chúa Nguyễn ở các vùng biển đảo ở Nam Bộ Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII”, in trong *Nhận diện và phát huy các giá trị tài nguyên biển đảo phục vụ phát triển bền vững vùng Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr. 78, 85. Trần Thị Mai, “Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (thế kỷ XVII-XIX)”, Tạp chí *Phát triển Khoa học & Công nghệ*, tập 16, số X1, 2003, tr. 79-80.

(13) (26). Dẫn theo Trương Minh Đạt, *Nhận thức mới về đất Hà Tiên*, Nxb. Trẻ - Tạp chí Xưa và Nay, 2001, tr. 185-186, 66.

(14), (16), (19), (33), (34), (36), (38), (40), (44). Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr. 101-102, 166, 160-161, 112, 161, 160-162, 159-175, 163, 171.

(17). Theo Vũ Đức Liêm: Việc người Việt cần kiểm soát vùng Hà Tiên có ý nghĩa như là cửa ngõ để bảo vệ cho các dự án lãnh thổ ở hạ lưu Mekong, xem Vũ Đức Liêm, “Hà Tiên và sự hình thành nước Việt Nam hiện đại”, Tạp chí *Khoa học XH&NV*, số 18, 2017, tr. 44.

(21). Lê Đản, “Nam Hà tiếp lục”, Trần Đại Vinh dịch, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 3-4 (92-93), 2012, tr. 48.

(22). Châu Thị Hải, “Bước đầu tìm hiểu quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt - Hoa trong lịch sử”, in trong *Việt Nam học: kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000, tr. 174.

(23). Đến nay, niên đại ghi nhận sự kiện Mạc Cửu đến Chân Lạp vẫn chưa nhận được sự thống nhất, chủ yếu xoay quanh hai mốc thời gian là năm 1671 và năm 1680. Theo “Mạc thị gia phả”, sự kiện Mạc Cửu tới Chân Lạp là vào năm Tân Hợi (1671), khi ấy Mạc Cửu chỉ mới 17 tuổi. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả - Hà Tiên - Kiên Giang*, Nguyễn Văn Nguyên dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 13. Trong khi đó, “Gia Định thành thông chí” lại ghi nhận sự kiện Mạc Cửu tới Chân Lạp là vào năm 1680. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr. 159. Qua nghiên cứu nhiều tư liệu liên quan đến hai mốc thời gian này, đặc biệt là trên cơ sở bút ký của Pierre Poivre - một nhà du hành người Pháp từng đến Đàng Trong những năm 1749-1750, Trương Minh Đạt cho rằng, mốc thời gian 1680 là có cơ sở hơn. Trương Minh Đạt, *Nhận thức mới về đất Hà Tiên*, Nxb. Trẻ - Tạp chí Xưa và Nay, 2001, tr. 102-103.

(25), (31). Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả - Hà Tiên - Kiên Giang*, Nguyễn Văn Nguyên dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 37, 17.

(27). Trần Kinh Hòa, “Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên”, *Văn hóa Á Châu*, số 7, 1958, tr. 33. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập 1, Đỗ Mộng Khương dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 202.

(28). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập 1, Viện Sử học dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 174.

(29), (46). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, tập 1-2, Nxb. Thuận Hóa, 2013, tr. 136-137, 143-144.

(30). Trần Kinh Hòa, “Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên”, *Văn hóa Á Châu*, số 7, 1958, tr. 33.

(32). Cao Tự Thanh, “Hà Tiên quá khứ và tương lai”, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 266, 2004, tr. 21-22.

(37). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 148. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr. 163-166.

(43). Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr. 174-175. *Đại Nam thực lục* và *Mạc thị gia phả* lại ghi nhận Mạc Tử Thiêm được chúa Nguyễn Phúc Ánh cho làm trấn thủ vùng đất Hà Tiên vào năm 1800. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 406. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả - Hà Tiên - Kiên Giang*, Nguyễn Văn Nguyên dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 28.

(47). Trương Minh Đạt, *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb. Trẻ - Tạp chí Xưa & Nay, 2008, tr. 416.

(48). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, Viện sử học dịch, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr. 717.

(49). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2013, tr. 251.

(50). Võ Sĩ Khải, “Giai đoạn chuyển tiếp từ Phù Nam đến Chân Lạp”, in trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2009, tr. 62-63.

(51), 62. Vũ Minh Giang, “Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ”, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập XXII, số 1, 2006, tr. 7, 4.

(52). Nguyễn Mạnh Dũng, “Đặc trưng lịch sử và văn hóa thế kỷ VII-XVI: những yếu tố nội sinh

và ngoại sinh”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 6 (154), 2011, tr. 48.

(53). Ngô Văn Lệ, “Vùng đất Hà Tiên và việc mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ”, Tạp chí *Đại học Thủ Dầu Một*, số 1, 2011, tr. 19.

(54). Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Hà Văn Tấn dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 45-46.

(55). Võ Sĩ Khải, “Đất Gia Định 10 thế kỷ đầu Công nguyên”, in trong *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr. 183.

(56). Nguyễn Bá Diến, “Áp dụng các nguyên tắc về thụ đắc lãnh thổ trong luật quốc tế giải quyết hòa bình các tranh chấp ở Biển Đông”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 1 (273), 2011, tr. 72-84.

(57), (58). Huỳnh Lứa (chủ biên), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987, tr. 38, 42.

(59) Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr. 159. Huỳnh Lứa, “Công cuộc khai phá trấn Hà Tiên và vai trò của họ Mạc”, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 226, 2004, tr. 17-19. Trần Kinh Hòa, “Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên”, *Văn hóa Á Châu*, số 7, 1958, tr. 33.

(60). Trần Kinh Hòa, “Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên”, *Văn hóa Á Châu*, số 7, 1958, tr. 33. Một nhà du hành người Pháp tên là Pierre Poivre sau khi đến vùng đất Hà Tiên (nơi mà ông gọi là “Vương quốc Ponthiamas”) trở về đã viết trong một bản tham luận đọc trước Viện Hàn lâm Lyon vào năm 1768 như sau: “Một thương gia Trung Hoa làm chủ một chiếc tàu buôn thường lui tới bờ biển này có đầu óc suy tính và trí thông minh truyền thống của dân tộc ông. Ông rất đau lòng khi trông thấy những đất đai rộng mênh mông mà còn bỏ hoang, tuy đất này phì nhiêu hơn cả những vùng đất khiến quê hương ông trù phú. Ông có ý khai hoang. Để thực hiện kế hoạch, ông đi mộ một số nông dân xứ ông và các xứ láng giềng, đảm bảo đời

sống cho họ, rồi ông bắt đầu ngoại giao khéo léo và được sự che chở của các xứ láng giềng hùng mạnh gửi đến giúp cho ông một đội quân mà ông trả lương (...). Lãnh thổ của ông trở thành cái xứ của những người siêng năng muốn đến đó lập nghiệp. Hải cảng của ông được mở rộng cho tất cả các quốc gia. Chẳng bao lâu, rừng hoang được khai phá một cách thông minh, đất hoang thành ruộng lúa, kênh rạch đã được đào đem nước vào ruộng, mùa màng dồi dào, lúc đầu cung cấp cho dân cày ruộng no đủ, về sau là một mối lợi cho thương mại lớn mạnh. Cái mảnh đất nhỏ kia, ngày hôm nay đã được coi như một kho lúa dồi dào nhất của phần đất miền Đông châu Á này: người Mã Lai, người Nam Hà, cả đến nước Xiêm, đều trông hải cảng này như một nguồn lợi đảm bảo cho những nạn đói...”. Dẫn theo: Hãn Nguyên, “Hà Tiên chìa khóa Nam tiến của dân tộc Việt Nam xuống đồng bằng sông Cửu Long”, in trong *Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Tập san *Sử địa*, số 19 & 20, 1970, tr. 262.

(61). Nguyễn Văn Hẫu, “Sự thôn thuộc và khai thác đất Tầm Phong Long” in trong *Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Tập san *Sử địa*, số 19 & 20, 1970, tr. 9.

(63). Lê Trung Dũng, “Quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ Việt Nam và Campuchia từ giữa thế kỷ XIX đến nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 10, 2006, tr. 22.

(65). Ngô Minh Oanh, “Nhìn lại hệ thống đối sách của chúa Nguyễn đối với Chân Lạp và Xiêm trong quá trình khai phá, xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVI - XVIII”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 180.

(66). Phan Văn Hoàng, “Vấn đề chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Bộ nhìn từ góc độ lịch sử và luật pháp quốc tế”, in trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2009, tr. 375.

(67). Nguyễn Trung Tín (chủ biên), *Tìm hiểu luật quốc tế*, Nxb. Đồng Nai, 1997, tr. 140.